

KẾT QUẢ THI VÀ XÉT TỐT NGHIỆP, LẦN 2 KỲ THI THÁNG 9 NĂM 2016, Y SĨ KHÓA 7

Chuyên ngành: Y sĩ định hướng chuyên khoa y học cổ truyền , niên khóa 2014 - 2017

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày, tháng, năm sinh		Nơi sinh	Điểm quá trình			Điểm thi tốt nghiệp			Điểm TB thi tốt nghiệp	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi tốt nghiệp dưới 4.5	Kết quả xét tốt nghiệp	Lớp	Ghi chú
					Điểm TBC 14HP, 36ĐVHT	Điểm TBC học tập, 19 HP, 66 ĐVHT	Điểm trung bình chung toàn khóa	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp	Thực hành nghề							
		Nam	Nữ		36	66											
1	Dương Ngọc Ái		15/09/1995	Hòa Bình, Bạc Liêu	5.5	6.2	6.0	8.5	6.0	5.0	6.5	6.3	TB Khá		CNTN	YHCT7	
2	Lâm Hoàng Chiêu	02/01/1995		Đầm Dơi, Cà Mau	5.7	6.0	5.9	5.0	5.5	6.5	5.7	5.8	T Bình		CNTN	YHCT7	
3	Huỳnh Thế Duy	08/07/1995		Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	5.9	6.0	6.0	5.0	5.5	5.0	5.2	5.6	T Bình		CNTN	YHCT7	
4	Nguyễn Lê Hiếu Duy	25/07/96		Giá Rai, Bạc Liêu	5.9	5.7	5.8	6.5	5.0	6.0	5.8	5.8	T Bình		CNTN	YHCT7	
5	Huỳnh Minh Thục Đoan		18/07/95	Bạc Liêu	5.8	6.2	6.1	5.5	5.0	5.0	5.2	5.7	T Bình		CNTN	YHCT7	
6	Trương Thị Hời		01/01/1994	Phước Long, Bạc Liêu	6.0	6.6	6.4	7.5	6.0	7.0	6.8	6.6	TB Khá		CNTN	YHCT7	
7	Hồ Thúy Huỳnh		17/09/1996	Đầm Dơi, Cà Mau	6.1	6.2	6.2	5.0	5.0	6.0	5.3	5.8	T Bình		CNTN	YHCT7	
8	Đỗ Quang Lãm	28/10/1993		Phước Long, Bạc Liêu	5.6	5.9	5.8	5.0	5.5	6.0	5.5	5.7	T Bình		CNTN	YHCT7	
9	Lê Trúc Linh		15/02/1996	Thới Bình, Cà Mau	5.7	6.3	6.1	6.5	5.5	7.0	6.3	6.2	TB Khá		CNTN	YHCT7	
10	Danh Thị Kiều Loan		28/11/1995	Hồng Dân, Bạc Liêu	5.7	5.9	5.9	5.5	5.5	6.0	5.7	5.8	T Bình		CNTN	YHCT7	
11	Trương Thành Lộc	20/01/1996		Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	5.7	6.4	6.1	8.5	6.0	6.0	6.8	6.5	TB Khá		CNTN	YHCT7	
12	Nguyễn Thị Diễm My		17/01/1996	Thanh Trì, Sóc Trăng	5.8	6.2	6.1	5.5	5.5	6.5	5.8	6.0	TB Khá		CNTN	YHCT7	
13	Lê Thị Thùy Ngân		16/02/94	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	5.9	6.3	6.1	9.0	5.5	5.0	6.5	6.3	TB Khá		CNTN	YHCT7	
14	Nguyễn Thị Bích Ngân		22/03/95	Giá Rai, Bạc Liêu	5.6	5.9	5.8	4.5	5.5	6.0	5.3			CHINH T	KCNTN	YHCT7	
15	Nguyễn Thành Nhân	02/06/1996		Vĩnh Lợi, Minh Hải	5.9	6.6	6.3	5.0	5.5	5.0	5.2	5.8	T Bình		CNTN	YHCT7	
16	Nguyễn Thị Phương Phiên		20/10/96	Phước Long, Bạc Liêu	5.7	5.9	5.8	5.5	6.0	5.5	5.7	5.8	T Bình		CNTN	YHCT7	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày, tháng, năm sinh		Nơi sinh	Điểm quá trình			Điểm thi tốt nghiệp			Điểm TB thi tốt nghiệp	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi tốt nghiệp dưới 4.5	Kết quả xét tốt nghiệp	Lớp	Ghi chú
					Điểm TBC 14HP, 36ĐVHT	Điểm TBC học tập, 19 HP, 66 ĐVHT	Điểm trung bình chung toàn khóa	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp	Thực hành nghề							
		Nam	Nữ														
17	Thái Trường Phong	07/01/1993		Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	5.7	5.8	5.8	5.5	5.5	6.0	5.7	5.8	T Bình		CNTN	YHCT7	
18	Trần Phương Trúc		19/09/94	Bạc Liêu	5.8	6.1	6.0	6.0	6.0	5.0	5.7	5.9	T Bình		CNTN	YHCT7	
19	Tiêu ánh Tuyết		21/10/1995	TX Bạc Liêu, Bạc Liêu	6.0	6.3	6.2	5.0	5.5	6.0	5.5	5.9	T Bình		CNTN	YHCT7	
20	Quách Hào	25/11/1994		Thanh Trị, Sóc Trăng	5.5	6.0	5.8	5.0	6.0	5.0	5.3	5.6	T Bình		CNTN	YHDP7A	
21	Nguyễn Kim Khen		19/03/96	Đông Hải, Bạc Liêu	6.0	6.1	6.1	7.5	5.5	6.5	6.5	6.3	TB Khá		CNTN	YHDP7A	
22	Nguyễn Thị Kiều Lam		00/00/96	Đông Hải, Bạc Liêu	5.6	6.2	6.0	5.0	5.0	6.0	5.3	5.7	T Bình		CNTN	YHDP7A	
23	Thái Thị Loan		10/03/1994	Hồng Dân, Bạc Liêu	6.0	6.2	6.1	6.0	5.0	6.5	5.8	6.0	TB Khá		CNTN	YHDP7A	
24	Huỳnh Mai		01/10/1995	Trần Văn Thời, Cà mau	6.2	6.3	6.3	5.0	5.5	5.0	5.2	5.8	T Bình		CNTN	YHDP7A	
25	Nguyễn Tấn Phát	03/07/1995		Cà Mau	5.9	6.4	6.2	8.0	5.5	5.5	6.3	6.3	TB Khá		CNTN	YHDP7A	
26	Nguyễn Văn Thái	01/01/1995		Đông Hải, Bạc Liêu	6.1	5.8	5.9	6.0	6.0	7.0	6.3	6.1	TB Khá		CNTN	YHDP7A	
27	Nguyễn Thị Anh Thư		04/12/1995	Thanh Trị, Sóc Trăng	5.7	6.4	6.1	5.0	5.5	5.5	5.3	5.7	T Bình		CNTN	YHDP7A	
28	Nguyễn Văn Tiệp	19/03/1994		Đông Hải, Bạc Liêu	6.3	6.6	6.5	9.5	8.0	6.0	7.8	7.2	Khá		CNTN	YHDP7A	
29	Nguyễn Trung Toàn	08/11/1995		Đông Hải, Bạc Liêu	5.6	5.9	5.8	6.0	5.5	5.5	5.7	5.8	T Bình		CNTN	YHDP7A	
30	Duy Thanh Hiền	09/10/1992		Phước Long, Bạc Liêu	5.5	6.0	5.9	5.5	5.5	5.0	5.3	5.6	T Bình		CNTN	YHDP7A	
31	Lê Minh Chiến	01/06/1992		Phước Long, Bạc Liêu	5.7	6.0	5.9	6.5	5.5	5.0	5.7	5.8	T Bình		CNTN	YHDP7B	
32	Lâm Trần Phong Dinh	26/06/96		Phước Long, Bạc Liêu	5.8	5.7	5.7	5.0	5.0	6.0	5.3	5.5	T Bình		CNTN	YHDP7B	
33	Phạm Thị Dung		01/01/1994	Phước Long, Bạc Liêu	5.7	5.9	5.8	5.0	5.5	5.5	5.3	5.6	T Bình		CNTN	YHDP7B	
34	Trương Tấn Hải	21/06/96		Giá Rai, Minh Hải	5.6	6.2	6.0	5.0	5.5	5.5	5.3	5.7	T Bình		CNTN	YHDP7B	
35	Nguyễn Văn Hồ	20/04/1996		Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	5.6	5.9	5.8	7.5	5.0	5.0	5.8	5.8	T Bình		CNTN	YHDP7B	
36	Lô Thị Cẩm Hương		17/07/1996	Ngã Năm, Sóc Trăng	5.8	5.9	5.9	6.0	5.0	5.0	5.3	5.6	T Bình		CNTN	YHDP7B	
37	Lê Hoàng Lai	01/01/1993		Thanh Trị, Sóc Trăng	5.8	5.8	5.8	6.0	6.0	6.0	6.0	5.9	T Bình		CNTN	YHDP7B	
38	Ngô Diễm Linh		25/05/1996	Bình Đại, Bến Tre	5.8	5.8	5.8	5.0	5.0	5.0	5.0	5.4	T Bình		CNTN	YHDP7B	

TT	HỌ VÀ TÊN		Ngày, tháng, năm sinh		Nơi sinh	Điểm quá trình			Điểm thi tốt nghiệp										
						Điểm TBC 14HP, 36ĐVHT	Điểm TBC học tập, 19 HP, 66 ĐVHT	Điểm trung bình chung toàn khóa	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp	Thực hành nghề								
			Nam	Nữ															
39	Phan Hiếu	Nghĩa	19/05/1996		Đầm Dơi, Cà Mau	5.8	6.1	6.0	7.0	5.0	5.5	5.8	5.9	T Bình		CNTN	YHDP7B		
40	Lê Ma	Ny		10/09/1993	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	5.7	5.8	5.8	5.0	5.5	5.0	5.2	5.5	T Bình		CNTN	YHDP7B		
41	Lư Thanh Hữu	Phương	01/04/1995		An Xuyên, Cà Mau	5.8	5.9	5.8	7.0	6.0	5.5	6.2	6.0	TB Khá		CNTN	YHDP7B		
42	Nguyễn Anh	Thư		21/09/1995	Giá Rai, Bạc Liêu	6.4	6.4	6.4	5.0	6.0	6.0	5.7	6.1	TB Khá		CNTN	YHDP7B		
43	Lý Thị Ngọc	Trâm		29/11/1996	Bạc Liêu, Bạc Liêu	5.8	6.2	6.1	9.5	6.5	5.0	7.0	6.6	TB Khá		CNTN	YHDP7B		
44	Bành Lâm Bảo	Trân		21/11/1996	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	5.9	6.0	6.0	7.5	5.5	5.5	6.2	6.1	TB Khá		CNTN	YHDP7B		
45	Phạm Hải	Triều	19/07/1995		Kế Sách, Sóc Trăng	5.5	5.9	5.7	7.5	5.5	4.0	5.7			TH NGH	KCNTN	YHDP7B	Vắng	
46	Sơn Kim Anh	Vũ	09/07/1993		Hòa Bình, Bạc Liêu	5.9	6.0	6.0	6.5	6.0	6.0	6.2	6.1	TB Khá		CNTN	YHDP7B		

Ghi chú : Danh sách này có 46 học sinh, dự thi: 45, bỏ thi: 1

* Xét tốt nghiệp:			Tỷ lệ %			* Xếp loại tốt nghiệp:			Tỷ lệ %			Tỷ lệ %		
- Công nhận tốt nghiệp:	44	97.78	- Xuất sắc:	0	0.00	- Trung bình khá:	15	34.09						
- Không công nhận tốt nghiệp:	1	2.22	- Giỏi:	0	0.00	- Trung bình:	28	63.64						
* Thông qua Hội đồng ngày 14/02/2017			- Khá:	1	2.27									

Bạc Liêu, ngày 13 tháng 02 năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Đã ký)

Phạm Ngọc Diệp

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Kim Nhung

LẬP BẢNG

Huỳnh Điền Côn